TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ DĨ AN** TỈNH BÌNH DƯƠNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2023/DS-ST
Ngày: 28-02-2023
V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thụy.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Tô Văn Nhung;

Bà Nguyễn Thị Thu Vân.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Duy Long, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hạnh - Kiểm sát viên.

Vào ngày 28 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án Dân sự thụ lý số: 463/2022/TLST-DS ngày 26 tháng 12 năm 2022 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2023/QĐXXST-DS ngày 03 tháng 02 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 12/2023/QĐST-DS ngày 21 tháng 02 năm 2023, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Công ty TNHH mua bán nợ G; trụ sở: Tầng 1, tầng 2, Tòa nhà PVL Linh Tây Tower, số 5 đường D1, pH L, thành phố T, Thành phố H.

Người đại diện hợp pháp: Anh Vương Văn Q, sinh năm 2000; địa chỉ: C35, đường D2, khu phố 1, pH B, thành phố B, tỉnh Đ; là người đại diện theo ủy quyền (văn bản ủy quyền ngày 05/12/2022), có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- *Bị đơn*: Bà Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1969; địa chỉ: 11/9A, khu phố T, pH D, thành phố D, tỉnh B, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là anh Vương Văn Q trình bày:

Ngày 22/7/2017, bà Nguyễn Thị Thu H có ký đơn đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng kiêm giấy đăng ký kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản kiêm đề

nghị mở thẻ kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế ("Đơn đề nghị"), phụ lục đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng với Công ty Tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP V (gọi tắt là Công ty Tài chính).

Ngày 25/7/2017, Công ty Tài chính xác nhận phê duyệt cho bà H vay số tiền 42.200.000 đồng; trong đó: 40.000.000 đồng khoản vay tiêu dùng và 2.200.000 đồng phí bảo hiểm, thời hạn vay từ thời điểm tiếp theo ngày giải ngân đến ngày 03/02/2020, mục đích vay tiêu dùng, lãi suất 2,63%/tháng, lãi suất quá hạn bằng 150% mức lãi suất trong hạn. Theo thỏa thuận, bà H có trách nhiệm thanh toán trong vòng 30 kỳ, mỗi kỳ 2.049.970 đồng, kỳ thanh toán cuối cùng 2.656.039 đồng, thanh toán vào ngày 02 hàng tháng, thời hạn thanh toán bắt đầu từ ngày 02/9/2017. Bà H đã nhận đủ số tiền và thanh toán cho Ngân hàng tổng cộng 10 lần với số tiền 20.500.000 đồng, trong đó tiền gốc 10.255.850 đồng và tiền lãi 10.244.151 đồng.

Ngày 30/3/2021, Công ty Tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP V có bán toàn bộ số nợ của bà H sang cho Công ty TNHH mua bán nợ G.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bà H chỉ thanh toán được các khoản tiền trên, đến ngày 03/02/2020 đã hết thời hạn vay nhưng bà H không thanh toán thêm bất kỳ khoản tiền nào dù đã được nhắc nhở nhiều lần. Do bà H vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà Nguyễn Thị Thu H trả một lần cho nguyên đơn số tiền nợ gốc là 31.944.150 và tiền lãi tính đến ngày 03/02/2020 là 9.661.019 đồng, tổng cộng 41.605.169 đồng. Từ sau ngày 03/02/2020 nguyên đơn không yêu cầu bị đơn phải trả tiền lãi theo như thỏa thuận tín dụng mà hai bên đã ký kết.

- *Về phía bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H:*

Sau khi thụ lý vụ án,Tòa án đã thông báo thụ lý vụ án, thông báo buổi làm việc để tham gia đối chất, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, đồng thời yêu cầu bà H có ý kiến trả lời bằng văn bản đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, mặc dù bà H đã trược tiếp nhận các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng bà H không có ý kiến cũng như không cung cấp tài liệu, chứng cứ và vắng mặt không có lý do. Như vậy, việc giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được xem xét trên cơ sở chứng cứ do nguyên đơn cung cấp.

- *Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa*:

Về tố tụng: Quá trình tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, nguyên đơn đã chấp hành và tuân theo pháp luật đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, đối với bị đơn đã được Tòa án triệu tập nhưng không chấp hành theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Về nội dung vụ án: Xét thấy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ chấp nhận toàn bộ nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An, Tòa án nhận định:

[1] Về tư cách khởi kiện:

Công ty Tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP V đã bán toàn bộ khoản nợ của bà Nguyễn Thị Thu H cho Công ty TNHH Mua bán nợ G theo Hợp đồng mua, bán nợ số: VPBFC-GALAXY-21-0003 ngày 30/03/2021, bao gồm toàn bộ các khoản nợ mà bà Nguyễn Thị Thu H còn nợ theo hợp đồng tín dụng được ký kết giữa bà Nguyễn Thị Thu H với Công ty Tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP V. Như vậy, kể từ ngày 30/3/2021, Công ty TNHH Mua bán nợ G trở thành chủ nợ khoản nợ vay và được quyền trực tiếp xử lý, thu hồi đối với các khoản nợ trên là đúng quy định của pháp luật.

[2] Về tố tụng:

Tòa án đã triệu tập bà Nguyễn Thị Thu H tham gia đối chất, tham gia hòa giải vào ngày 31/01/2023 nhưng bà H vắng mặt, đồng thời người đại diện hợp pháp của nguyên đơn có đơn từ chối đối chất và hòa giải. Vì vậy, Tòa án không tiến hành hòa giải được quy định tại khoản 4 Điều 207 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Ngày 21/02/2023 và ngày 28/02/2023, Tòa án mở phiên tòa nhưng bà Nguyễn Thị Thu H vẫn vắng mặt không có lý do, còn người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là anh Vương Văn Quang có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt nguyên đơn, các bị đơn theo quy định tại Điều 227 và 228 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

[3] Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Nguyễn Thị Thu H đã được triệu tập và trực tiếp nhận các văn bản tố tụng, mặc dù bà H biết việc nguyên đơn khởi kiện nhưng không cung cấp bất cứ chứng cứ nào về quá trình vay, thanh toán cho nguyên đơn. Vì vậy, bà H phải gánh chịu hậu quả do việc không cung cấp chứng cứ theo quy định tại Điều 96 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Việc giải quyết yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được xem xét trên cơ cở chứng cứ do nguyên đơn cung cấp.

[4] Về nội dung vụ án:

Xét đơn đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng kiêm giấy đăng ký kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản kiêm đề nghị mở thẻ kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế (“Đơn đề nghị”) ngày 22/7/2017; phụ lục đề nghị vay vốn

kiêm hợp đồng tín dụng ngày 22/7/2017 và phần phê duyệt cho vay ngày 25/7/2017 giữa bà Nguyễn Thị Thu H và Công ty Tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP V thể hiện ý chí thỏa thuận tự nguyện của hai bên.

Công ty Tài chính đã giải ngân cho bà H vay số tiền 42.200.000 đồng, thời hạn thanh toán bắt đầu từ ngày 02/9/2017 đến ngày 03/02/2020, mục đích vay tiêu dùng, lãi suất 2,63%/tháng, lãi suất quá hạn bằng 150% mức lãi suất trong hạn. Theo thỏa thuận, bà H có trách nhiệm thanh toán trong vòng 30 kỳ, mỗi kỳ 2.049.970 đồng, kỳ thanh toán cuối cùng 2.656.039 đồng, thanh toán vào ngày 02 hàng tháng.

Quá trình thực hiện hợp đồng, bà H chỉ mới thanh toán được tổng số tiền cả gốc và lãi 20.500.000 đồng. Sau đó, cho đến thời điểm khởi kiện đã hết thời hạn thanh toán, bà H vẫn không thanh toán thêm khoản tiền còn nợ nào. Như vậy, bà H chưa thực hiện nghĩa vụ trả nợ đầy đủ theo đúng thỏa thuận của các bên. Do bà H không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi cho nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bà H phải trả số tiền gốc và lãi còn nợ tính đến ngày 03/02/2020 là 41.605.169 đồng, trong đó số tiền nợ gốc 31.944.150 và tiền lãi 9.661.019 đồng là có căn cứ chấp nhận.

Đối với việc tiếp tục tính tiền lãi sau ngày 03/02/2020 cho đến khi bà H trả xong các khoản nợ theo mức lãi suất thỏa thuận trong đơn đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng kiêm giấy đăng ký kiêm hợp đồng mở và sử dụng tài khoản kiêm đề nghị mở thẻ kiêm hợp đồng sử dụng thẻ tín dụng quốc tế (“Đơn đề nghị”) ngày 22/7/2017; phụ lục đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng ngày 22/7/2017 và phần phê duyệt cho vay ngày 25/7/2017 thì nguyên đơn không yêu cầu. Xét đây là ý chí tự nguyện của nguyên đơn cho nên Hội đồng xét xử ghi nhận và không xem xét giải quyết.

[5] Từ những phân tích trên, có cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An là phù hợp.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải chịu theo quy định của Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban tH vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 96, Điều 144, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; căn cứ Điều 91 và Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng 2010; căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban tH vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH mua bán nợ G đối với bà Nguyễn Thị Thu H về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng.

Buộc bà Nguyễn Thị Thu H có trách nhiệm thanh toán cho Công ty TNHH Mua bán nợ G số tiền còn nợ là 41.605.169 đồng (bốn mươi mốt triệu sáu trăm linh năm nghìn một trăm sáu mươi chín đồng), trong đó gồm: Số tiền nợ gốc 31.944.150 đồng (ba mươi mốt triệu chín trăm bốn mươi bốn nghìn một trăm năm mươi đồng) và tiền lãi 9.661.019 đồng (chín triệu sáu trăm sáu mươi mốt nghìn không trăm mười chín đồng).

2. Án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị Thu H phải chịu 2.080.258 đồng (hai triệu không trăm tám mươi nghìn hai trăm năm mươi tám đồng). Hoàn trả cho Công ty TNHH mua bán nợ G 1.040.129 đồng (một triệu không trăm bốn mươi nghìn một trăm hai mươi chín đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0005921 ngày 19/12/2022 của Chi cục thi hành án Dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

3. Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Dĩ An;
- CCTHA DS thành phố Dĩ An;
- Đương sự;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thụy